

- Bài 52:** Tìm một số, biết rằng số đó chia cho 18 được bao nhiêu trừ đi 126 thì được 152.
- Bài 53:** Tìm một số, biết rằng số đó cộng với 156 được bao nhiêu chia cho 9 thì được 21.
- Bài 54:** Tìm một số, biết rằng số đó trừ đi 327 được bao nhiêu nhân với 48 thì được 4128.
- Bài 55:** Lan và Huệ có 44 quyển sách, nếu Lan cho Huệ 8 quyển sách và Huệ cho lại Lan 3 quyển sách thì hai bạn có số sách bằng nhau. Hỏi thực sự mỗi bạn có bao nhiêu quyển sách?
- Bài 56:** Cô giáo có một số viên kẹo, cô cho Hùng nhiều hơn Dũng 5 viên kẹo, cho Dũng nhiều hơn Mạnh 3 viên kẹo và cuối cùng Mạnh nhận được 6 viên kẹo. Hỏi cô đã cho ba bạn hết bao nhiêu viên kẹo?
- Bài 57:** An có số bi gấp đôi số bi của Bình, Bình có số bi gấp 3 số bi của Minh, Minh có số bi gấp 4 số bi của Thịnh và Thịnh có 8 viên bi. Hỏi An có bao nhiêu viên bi?
- Bài 58:** Một bác nông dân nuôi 4 loại gia súc là gà, vịt, heo và bò. Số bò bằng $\frac{1}{3}$ số heo, số heo bằng $\frac{1}{5}$ số gà, số gà bằng $\frac{1}{2}$ số vịt. Hỏi bác nông dân có bao nhiêu con bò? Biết bác có 180 con vịt.
- Bài 59:** Một xã A huy động thanh niên làm thủy lợi và chia thanh niên ra làm 5 trung đội, một trung đội có 5 tiểu đội, một tiểu đội có 10 thanh niên, một thanh niên đào đắp được 3 khối đất. Hỏi xã A đã đào đắp được bao nhiêu khối đất?
- Bài 60:** Cô giáo chia que tính cho An, Bình và Cự. Cô chia cho An phân nửa số que tính và thêm 1 que tính, số còn lại cô lấy ra 1 que và sau đó chia cho Bình phân nửa và cuối cùng còn 3 que cô chia hết cho Cự. Hỏi cô đã chia cho 3 bạn bao nhiêu que tính?
- Bài 61:** Toàn chia cho Dũng $\frac{1}{2}$ số bi của mìnhm Dũng lấy $\frac{1}{4}$ số bi nhận được chia cho Bình rồi chia thêm cho Bình 2 bi. Bình lấy bi nhận được chia cho Minh 2 bi thì còn lại 4 bi. Hỏi trước khi chia cho các bạn Toàn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 62:** Hồng chia cho Lan và Huệ một số nhãn vở bằng số nhãn vở Huệ nhận của Hồng, Huệ lại chia cho Lan số nhãn vở bằng đúng số nhãn vở còn lại của Lan. Hỏi Hồng đã chia cho mỗi bạn bao nhiêu nhãn vở, biết cuối cùng Lan còn 4 nhãn vở, Huệ còn 6 nhãn vở.
- Bài 63:** Có ba đội thiếu niên A, B, C với tổng số đội viên khoảng từ 40 đến 50 em. Để chuẩn bị tham gia lao động, nhà trường chuẩn bị chia lại số đội viên đó bằng cách chuyển từ đội A sang đội B một số đội viên bằng số đội viên của đội B, chuyển từ đội B sang đội C một số đội viên bằng số đội viên của đội C, chuyển từ đội C sang đội A một số đội viên

bằng số đội viên còn lại của đội A. Sau ba lần chuyển như vậy thì số đội viên của ba đội sẽ bằng nhau. Hãy tính số đội viên của mỗi đội trước khi chuyển.

Bài 64: Hồng mua 3 quả cam và 2 quả xoài hết 10500 đồng, Huệ mua 3 quả cam và 5 quả xoài như thế hết 19500. Hỏi mỗi quả cam giá bao nhiêu? Mỗi quả xoài giá bao nhiêu?

Bài 65: Bác Ba đem ra chợ bán 7 con gà và 6 con vịt, đồng thời bán giúp bác Tư 7 con gà và 4 con vịt. Bác Ba bán tất cả được 399000 đồng và đưa lại cho bác Tư 185500 đồng. Tìm giá bán 1 con gà, 1 con vịt.

Bài 66: An mua 4 bút bi và 7 quyển vở hết 20.900 đồng, Bình mua 2 bút và 5 quyển vở cùng loại của An hết 13.900 đồng. Tìm giá bán 1 bút bi, 1 quyển vở.

Bài 67: Biết mua 3 kg đường và 5 kg muối hết 25.200 đồng, mua 2 kg đường và 4 kg muối hết 17.600 đồng. Hỏi giá 1 kg đường? 1 kg muối?

Bài 68: Hồng mua 2 kg chôm chôm, 1 kg nhãn hết 19.500 đồng. Huệ mua 1 kg chôm chôm và 1 kg sầu riêng hết 28.500 đồng. Biết giá 1 kg sầu riêng gấp 3 lần 1 kg nhãn. Tìm giá bán 1 kg chôm chôm, 1 kg nhãn, 1 kg sầu riêng?

Bài 69: 3 bút máy và 6 quyển vở giá 46.200 đồng, biết giá 1 bút máy bằng giá 5 quyển vở. Tính giá tiền 1 quyển vở? 1 bút máy?

Bài 70: Mua 4 con gà và 6 con vịt hết 178.000 đồng, biết 1 con vịt rẻ hơn 1 con gà 7.000 đồng. Tính giá tiền 1 con gà, giá tiền 1 con vịt?

Bài 71: Hồng mua 7 cục xà phòng, Lan mua 7 cây kem đánh răng, vì một cây kem đánh răng đắt hơn 1 cục xà phòng 7.000 đồng nên Lan trả nhiều hơn Hồng 67.000 đồng. Tìm giá tiền một cây kem đánh răng? 1 cục xà phòng?

Bài 72: Tìm hai số có tích bằng 3250, biết rằng nếu ta tăng thừa số thứ hai thêm 7 đơn vị và giữ nguyên thừa số thứ nhất thì được tích mới là 4125.

Bài 73: Tìm tích của hai số, biết rằng nếu ta tăng thừa số thứ nhất lên 3 lần và tăng thừa số thứ hai lên 2 lần thì được tích mới bằng 6192.

Bài 74: Tìm hai số có tích bằng 4624, biết thừa số thứ hai có hai chữ số với chữ số hàng đơn vị hơn chữ số hàng chục là 1, nếu đổi chỗ hai chữ số này cho nhau đồng thời giữ nguyên thừa số thứ nhất thì được tích mới bằng 5848.

Bài 75: Khi thực hiện phép nhân một số với 53, một học sinh đã quên lùi tích riêng thứ hai vào một cột so với tích riêng thứ nhất nên được kết quả sai là 3408. Em hãy tìm kết quả đúng của phép nhân trên.

Bài 76: Em hãy tìm hai số có tích bằng 10.530, biết rằng thừa số thứ nhất có hai chữ số và chữ số ở hàng chục là 2, đồng thời nếu xóa đi chữ số ở hàng đơn vị của thừa số thứ nhất thì tích giảm đi 9720 đơn vị.

Bài 77: Tìm một số có ba chữ số, biết rằng nếu gạch bỏ chữ số hàng trăm của số đó rồi nhân số mới với 7 ta lại được số có 3 chữ số ban đầu.

Bài 78: Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu viết thêm chữ số 0 vào giữa hai chữ số ta được số mới gấp 9 lần số phải tìm.

Bài 79: Thương của hai số bằng 48. Nếu ta tăng số bị chia lên gấp 3 lần và giữ nguyên số chia, thì thương mới bằng bao nhiêu?

Bài 80: Tìm số bị chia và số chia trong một phép chia, biết rằng nếu ta lấy số bị chia chia cho 2 lần số chia thì được 6 và nếu lấy số bị chia chia cho 3 lần số chia thì được 6.

Bài 81: Tìm một số biết rằng số đó chia cho 6 và chia cho 8 đều cùng có số dư là 2 và thương của hai phép chia đó hơn kém nhau 4 đơn vị.

Bài 82: Cho hai số tự nhiên, mỗi số có hai chữ số và đều bé hơn 50, hiệu của chúng bằng 32. Biết rằng nếu lấy hai số này cùng chia cho 9 thì được số dư của phép chia này bằng thương của phép chia kia và ngược lại. Hãy tìm hai số đó.

Bài 83: Có bao nhiêu số có 4 chữ số mà mỗi số không có chữ số 5 ở hàng nghìn và hàng trăm ?

Bài 84: Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà mỗi số chỉ có một chữ số 6.

Bài 85: Có 12 người bước vào phòng họp, tất cả mọi người đều bắt tay lẫn nhau. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái bắt tay?

Bài 86: Trong một chiếc thang có tất cả 24 bậc. Hỏi trên chiếc thang đó có tất cả bao nhiêu hình tứ giác?

Bài 87: Một giải bóng đá có 14 đội tham gia, mỗi đội đều đá với các đội khác một trận. Hỏi tất cả có bao nhiêu trận đá bóng?

Bài 88: Một bác nông dân có tổng số gà và vịt không quá 80 con. Biết số gà gấp 5 lần số vịt. Nếu bác nông dân mua thêm 3 con vịt nữa thì số gà gấp 4 lần số vịt. Hỏi bác nông dân có bao nhiêu con gà? Bao nhiêu con vịt?

Bài 89: Khối lớp 3 và khối lớp 4 thu nhặt giấy vụn gây quỹ được một số tiền gần 200.000 đồng. Số giấy vụn của khối lớp 4 thu nhặt được gần gấp 3 lần số giấy của khối lớp 3. Nếu khối lớp 3 tìm thêm được một số giấy bán được 24.000 đồng thì khối lớp 3 thu nhặt bằng

1/ 2 khối lớp 4. Tìm số giấy của mỗi khối thu nhặt được? Biết 1kg giấy bán được 2.000 đồng.

II- TOÁN VỀ TỈ SỐ VÀ TỈ LỆ XÍCH

Bài 90: An có 12 viên bi màu xanh và 18 viên bi màu đỏ. Tính:

- Tỉ số của số bi xanh so với số bi đỏ
- Tỉ số của số bi đỏ so với số bi của An.
- Tỉ số của số bi của An so với số bi xanh.

Bài 91: Trong một khu vườn người ta trồng dứa và cau, tỉ số của số cây cau so với cây dứa là $\frac{2}{5}$, biết có 48 cây cau. Hãy tính:

- Số cây dứa có trong vườn.
- Tỉ số của số cây dứa so với tổng số cây dứa và cam có trong vườn.

Bài 92: Đầu năm học, thư viện cho lớp 4A mượn ba loại sách: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử. Biết số sách toán gấp 3 lần số sách lịch sử, số sách lịch sử bằng $\frac{1}{4}$ số sách Tiếng Việt, và biết thêm là số sách Toán có 24 quyển. Hãy tính tỉ số của số sách Toán so với số sách Tiếng Việt.

Bài 93: Trong dịp Tết trồng cây, lớp 4A trồng được số cây bằng $\frac{3}{4}$ số cây của lớp 4B, tỉ số cây của lớp 4C so với số cây của lớp 4B là $\frac{1}{2}$. Lớp 4A trồng được 69 cây. Hỏi cả 3 lớp trồng được bao nhiêu cây?

Bài 94: Có ba thùng dầu, biết $\frac{1}{3}$ số lít dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{1}{5}$ số lít dầu ở thùng thứ hai và bằng $\frac{1}{7}$ số lít dầu ở thùng thứ ba. Hãy tính.

- Tỉ số của số lít dầu ở thùng thứ nhất so với thùng thứ hai.
- Tỉ số của số lít dầu ở thùng thứ nhất so với thùng thứ ba.
- Tỉ số của số lít dầu ở thùng thứ hai so với thùng thứ ba.

Bài 95: Có ba loại quả bóng: xanh, đỏ, vàng. Biết tỉ số của quả bóng xanh so với số bóng đỏ là $\frac{2}{3}$, tỉ số của quả bóng đỏ so với quả bóng vàng là $\frac{1}{4}$. Tìm tỉ số số quả bóng xanh so với quả bóng vàng?

Bài 96: Cho hai hình vuông có tỉ số giữa hai cạnh là $\frac{2}{5}$. Hãy tính:

- Tỉ số chu vi của hai hình đó.
- Tỉ số diện tích của hai hình vuông đó.

Bài 97: Trong một đội lao động có bạn nam và bạn nữ tham gia, tỉ số của bạn nam so với số bạn nữ là $3/8$. Nếu tăng số bạn nam lên 4 lần và giảm số bạn nữ xuống 2 lần thì tỉ số mới của số bạn nam so với số bạn nữ là bao nhiêu?

Bài 98: Tỉ số của số ghế của phòng họp thứ nhất so với số ghế của phòng họp thứ hai là $5/3$, phòng họp thứ nhất có 70 ghế, phòng họp thứ ba có nhiều hơn phòng họp thứ hai 8 ghế. Tìm tỉ số của số ghế của phòng họp thứ nhất so với số ghế của phòng họp thứ hai.

Bài 99: Số lít dầu ở thùng thứ nhất bằng $2/3$ số lít dầu chứa ở thùng thứ hai. Nếu bớt thùng thứ nhất 4 lít dầu và thêm vào thùng thứ hai 4 lít dầu thì tỉ số của số lít dầu chứa ở thùng thứ so với số lít dầu ở thùng thứ hai là $1/2$. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài 100: Tỉ số bi của An so với số bi của Bình là $2/3$, nếu Bình lấy ra 3 bi thì tỉ số bi của Bình so với bi của Cư là 3, nếu Cư lấy ra $1/2$ số bi của mình cho bạn Dũng thì Cư còn lại 4 bi. Hỏi An có bao nhiêu viên bi?

Bài 101: Nhà trường chia sách cho 3 lớp 4A, 4B, 4C. Biết 3 lần số sách của lớp 4A bằng 2 lần số sách của lớp 4B, 5 lần số sách của lớp 4B bằng 3 lần số sách của lớp 4C, lớp 4A có 144 quyển sách. Hỏi lớp 4B, 4C mỗi lớp nhận được bao nhiêu sách ?

Bài 102: Có ba tổ công nhân cùng tham gia đắp đường, nếu tổ một đắp được 3m thì tổ hai đắp được 2m, nếu tổ ba đắp được 8m thì tổ một đắp được 4m, biết tổ hai đắp được 44m. Hỏi ba tổ đắp được bao nhiêu mét đường?

Bài 103: Một hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng 16m, nếu vẽ hình chữ nhật đó trên giấy theo tỉ lệ xích $1/800$ thì diện tích của nó bằng bao nhiêu?

Bài 104: Một đoạn đường dài 84 km, lần thứ nhất người ta vẽ nó trên giấy với tỉ lệ xích $1/60000$, lần thứ hai dựa vào hình vẽ trên giấy của lần thứ nhất người ta lại vẽ trên giấy với tỉ lệ xích $1/20$.

- Tìm độ dài của đoạn đường vẽ trên giấy lần thứ hai.
- So với đoạn đường thật sự thì đoạn đường vẽ trên giấy lần thứ hai được vẽ theo tỉ lệ xích nào?

Bài 105: Có một miếng đất hình vuông cạnh 36m, người ta vẽ hình vuông đó lên giấy với tỉ lệ xích $1/120$. Hãy tính tỉ số của diện tích hình vuông vẽ trên giấy so với diện tích hình vuông thực sự.

Bài 106: Một hình vuông có chu vi 32m, muốn vẽ hình vuông đó trên giấy sao cho nó có chu vi bằng 8cm, thì phải vẽ theo tỉ lệ xích nào?